

Số: /BC-SYT

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 10 năm 2021

## **BÁO CÁO NHANH**

**Công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
**(số liệu tính đến 16h00' ngày 03/10/2021)**

### **I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ DỊCH BỆNH COVID-19 NĂM 2021**

#### **1. Tình hình chung về dịch COVID-19**

Tính đến 16h00' ngày 03/10/2021, tổng số ca mắc ở nước ta là **803.202** (tăng 5.490 ca so với báo cáo ngày 02/10/2021). Trong đó: **664.938** ca điều trị khỏi, **19.601** ca tử vong, **118.663** ca đang điều trị.

Số lượng ca mắc mới ghi nhận trong nước từ ngày 27/4/2021 đến nay là **798.639**.

#### **2. Tại tỉnh Thái Nguyên**

Từ 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ghi nhận 20 ca COVID-19, trong đó: 14 ca ghi nhận tại cộng đồng; 06 ca ghi nhận trong khu cách ly tập trung người nhập cảnh. Ngoài ra có 12 ca tái dương tính sau khi điều trị khỏi trở về địa phương.

#### **\* Đánh giá mức độ nguy cơ của tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 tại các địa phương trong cả nước. Tại Thái Nguyên: đã có 14 ca nhiễm COVID-19 trong cộng đồng, 06 ca ghi nhận trong khu cách ly tập trung người nhập cảnh và 12 ca tái dương tính sau khi điều trị khỏi trở về địa phương; 01/9 huyện/thành phố/thị xã tự đánh giá ở mức “nguy cơ cao”, 18/178 xã/phường/thị trấn tự đánh giá ở mức “nguy cơ cao”, 02/178 xã/phường/thị trấn tự đánh giá ở mức “nguy cơ”, các huyện/thành phố và xã/phường/thị trấn còn lại tự đánh giá ở mức “bình thường mới”; là tỉnh có nhiều khu công nghiệp, Trường Đại học với số lượng công nhân, sinh viên tập trung đông, vì vậy hiện tại đánh giá Thái Nguyên vẫn là tỉnh có mức **nguy cơ** đối với dịch COVID-19.

### **II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

- Trong ngày 02/10/2021 UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống dịch COVID-19: Công văn số 4797/UBND-KGVX về việc tăng cường kiểm soát chặt chẽ người từ các tỉnh, thành phố khác ra, vào tỉnh Thái Nguyên để phòng, chống dịch COVID-19.

- Trong ngày 02 và ngày 03/10/2021, Sở Y tế đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống dịch COVID-19: Công văn số 4369/SYT-NVY về việc tăng cường rà soát các trường hợp trở về từ Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức để phòng, chống dịch COVID-19; Công văn số 4371/SYT-NVY về việc hỗ trợ đón công dân từ tỉnh Đồng Nai trở về địa phương và thực hiện cách ly tập trung; Công văn số 4372/SYT-NVY về việc thông báo danh sách các trường hợp hoàn thành thời gian

cách ly y tế tại các tỉnh trở về địa phương; Công văn số 4373/SYT-NVY về việc phối hợp làm việc với Đoàn giám sát theo Đề án khám chữa bệnh từ xa của Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương.

- Trong ngày, các ngành và các địa phương căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh đều có chỉ đạo và triển khai các hoạt động phòng, chống dịch thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý, phụ trách.

### **III. CÔNG TÁC TRUY VẾT, QUẢN LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP NGHI NHIỄM**

#### **1. Quản lý các ca bệnh dương tính với SARS-CoV-2**

##### ***1.1. Trong ngày báo cáo ghi nhận 01 ca F0 mới tại khu cách ly tập trung:***

- Thông tin bệnh nhân: HOÀNG VĂN H (H.V.H). Sinh năm 18/8/1986. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Mã ca bệnh: **BN803621**.

- Địa chỉ: Xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

**Dịch tễ:** Công dân H.V.H nhập cảnh ngày 01/10/2021 tại Cảng hàng không Vân Đồn, Quảng Ninh, được đưa về cách ly tập trung ngay tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Thái Nguyên (xã Quyết Thắng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) cùng đoàn 149 công dân khác. Ngày 02/10/2021 được Bệnh viện A Thái Nguyên thực hiện lấy mẫu lần 1 xét nghiệm SARS-CoV-2 (Realtime RT-PCR). Kết quả xét nghiệm Dương tính SARS-CoV-2. Bệnh nhân đã được chuyển Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương điều trị lúc 23h00 ngày 02/10/2021.

***1.2. Lũy tích số F0 đến thời điểm báo cáo 20 trường hợp ghi nhận tại tỉnh Thái Nguyên, trong đó:*** 14 trường hợp phát hiện tại cộng đồng; 06 trường hợp phát hiện trong khu cách ly người nhập cảnh. Ngoài ra có 12 trường hợp bệnh nhân khỏi bệnh đón về địa phương tái dương tính (*04 ca trong số ghi nhận tại cộng đồng*).

#### **2. Truy vết các trường hợp nghi ngờ nhiễm COVID-19**

***2.1. Các trường hợp liên quan đến các ca bệnh tại cộng đồng theo thông báo của Bộ Y tế, từ ngày 29/4/2021 đến ngày 03/10/2021:***

\* Số F1 ghi nhận trong ngày báo cáo: 0 trường hợp. Lũy tích **F1: 1.492** trường hợp; Số F1 hiện đang cách ly: **0** trường hợp.

\* Số F2 ghi nhận trong ngày báo cáo **0** trường hợp; Lũy tích **F2: 11.149** trường hợp; hiện đang cách ly, theo dõi tại nhà **0** trường hợp.

***2.2. Các trường hợp trở về địa phương từ các ổ/điểm dịch tại cộng đồng theo thông báo của Bộ Y tế từ ngày 29/4/2021 đến ngày 03/10/2021:***

Trong ngày báo cáo ghi nhận **63** trường hợp về từ vùng/điểm dịch; Lũy tích đến thời điểm báo cáo: **9.379**. Hiện đang thực hiện cách ly **903** trường hợp (tại cơ sở y tế và cơ sở cách ly tập trung của các huyện/thành phố/thị xã).

##### ***2.3. Các trường hợp liên quan đến Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức:***

Rà soát được 50 người là công dân tỉnh Thái Nguyên đến khám bệnh, thăm thân tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức từ ngày 19/9/2021 trở lại đây, hiện có 14 người đang có mặt tại địa phương (TPTN: 06; Sông Công: 01; Phú Bình: 03; Phổ Yên: 01; Phú Lương: 01; Đại Từ: 02). Đã áp dụng biện pháp cách ly theo quy định, kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 lần 1 âm tính.

### 3. Công tác cách ly y tế

**3.1. Cách ly tại cơ sở y tế:** 43 trường hợp (TP.Thái Nguyên: 05; Phở Yên: 11; Đồng Hỷ: 02; Định Hóa: 05; Phú Lương: 01; Phú Bình: 11; Đại Từ: 05; Bệnh viện C: 01; Bệnh viện lao và bệnh phổi: 02).

#### 3.2. Cách ly tại các cơ sở cách ly tập trung tuyến huyện:

Hiện đang cách ly: 860 trường hợp (TP Thái Nguyên: 200; Phở Yên: 67; Sông Công: 64; Đồng Hỷ: 98; Võ Nhai: 76; Định Hóa: 73; Phú Lương: 59; Phú Bình: 115; Đại Từ: 122).

#### 3.3. Cách ly tại cơ sở cách ly của tỉnh:

Đang thực hiện cách ly: 149 trường hợp.

#### 3.4. Cách ly y tế chuyên gia nhập cảnh và về/đến từ vùng dịch:

Trong ngày báo cáo có thêm 0 trường hợp nhập cảnh. Hiện đang cách ly 10 trường hợp, lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 lần 1 kết quả âm tính.

Lũy tích từ 01/01/2021 đến nay, tỉnh Thái Nguyên tổ chức cách ly cho tổng số 1.705 người (trong đó 1.695 chuyên gia đã hoàn thành thời gian cách ly; 10 người đang thực hiện cách ly y tế theo quy định).

#### 3.5. Cách ly y tế các trường hợp nhập cảnh trái phép: 0 trường hợp.

#### 3.6. Cách ly y tế các trường hợp người Việt Nam nhập cảnh:

Trong ngày báo cáo có 0 trường hợp nhập cảnh về cách ly tại Thái Nguyên. Hiện đang cách ly 376 trường hợp nhập cảnh:

- Ngày 28/9/2021, tiếp nhận 227 công dân về từ Nhật Bản (82 trường hợp cách ly tại khách sạn Thái Dương, 145 trường hợp cách ly tại khách sạn Hồ Núi Cốc Plaza xã Tân Thái, huyện Đại Từ) đã lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 lần 1 kết quả âm tính;

- Ngày 01/10/2021, tiếp nhận 150 công dân về từ UEA cách ly tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - Đại học Thái Nguyên đã lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 lần 1, kết quả 149 âm tính, 01 mẫu dương tính với SARS-CoV-2 (bệnh nhân đã được chuyển xuống Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương điều trị). Hiện 149 công dân tiếp tục thực hiện cách ly theo quy định.

**4. Công tác quản lý người bệnh dương tính với SARS-CoV-2 sau khi điều trị khỏi:** đã tiếp nhận 183 trường hợp điều trị khỏi về quản lý tại địa phương.

### IV. CÔNG TÁC XÉT NGHIỆM VÀ TIÊM CHỦNG PHÒNG COVID-19

#### 1. Công tác xét nghiệm

\* Số mẫu test nhanh sàng lọc cộng đồng trong ngày báo cáo: 153 mẫu. Lũy tích số mẫu xét nghiệm test nhanh sàng lọc cộng đồng đến ngày báo cáo: 27.975 mẫu.

\* Số mẫu xét nghiệm PCR lấy trong ngày báo cáo: 1.196 mẫu. Lũy tích số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 từ ngày 01/01/2021 đến nay: 191.654 mẫu. Kết quả: 191.619 mẫu âm tính với SARS-CoV-2; 35 mẫu dương tính với SARS-CoV-2.

#### 2. Công tác tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19

Lũy tích đến ngày 02/10/2021: 243.119 liều vắc xin đã được tiêm cho 175.977 người (trong đó: 108.835 người được tiêm 1 mũi; 67.142 người được tiêm đủ 2 mũi).

## V. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGUY CƠ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2686

Kết quả tổng hợp báo cáo đánh giá mức độ nguy cơ đối với dịch COVID-19 của các địa phương trong ngày báo báo:

- Cấp huyện, thành phố, thị xã: 01 đơn vị tự đánh giá ở mức “nguy cơ cao” (Thị xã Phổ Yên); 08 đơn vị tự đánh giá ở mức “bình thường mới”.

- Cấp xã, phường, thị trấn: 18 đơn vị tự đánh giá ở mức “nguy cơ cao” (Thị xã Phổ Yên); 02 đơn vị tự đánh giá ở mức “nguy cơ” (Thành phố Thái Nguyên); 158 đơn vị tự đánh giá ở mức “bình thường mới”. *(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

## VI. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Trong ngày báo cáo các cơ quan thông tấn báo chí đã tổ chức sản xuất và đăng tải **10** tin, bài và nhóm ảnh, phản ánh trên Báo in, Báo điện tử; **95** tin, bài phản ánh, phóng sự, cổ động trên sóng của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và trên Trang Thông tin điện tử tỉnh để triển khai công tác phòng chống dịch COVID-19.

2. Hoạt động của **46** chốt kiểm tra liên ngành về phòng, chống dịch COVID-19, tính từ 10h00' ngày 02/10/2021 đến 10h00' ngày 03/10/2021 như sau:

- Số lượt phương tiện được kiểm tra: **17.317** lượt.
- Số lượt phương tiện từ các tỉnh khác đến Thái Nguyên được kiểm tra: **9.527** lượt.
- Số lượt người được kiểm tra thân nhiệt, tuyên truyền, nhắc nhở chấp hành các quy định về phòng, chống dịch COVID-19 khi đi qua các chốt như: hạn chế đi lại, tập trung đông người, nhắc nhở việc đeo khẩu trang, sử dụng dung dịch sát khuẩn: **32.516** lượt.

3. Trong ngày báo cáo, ghi nhận số công dân từ các tỉnh/thành phố khác đến/trở về địa phương là: **648** người *(trong đó: Hà Nội 145 người; Bắc Giang: 166 người; Bắc Ninh: 190 người và 151 người là các tỉnh khác)*. Lũy tích từ ngày 27/4/2021 đến ngày 03/10/2021 là: **55.549** người.

Sở Y tế Thái Nguyên trân trọng báo cáo./.

### Nơi nhận:

- Bộ Y tế (B/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy TN (B/cáo);
- UBND tỉnh (B/cáo);
- VP đoàn đại biểu QH, HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Thông tin truyền thông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PTTH Thái Nguyên;
- Báo Thái Nguyên;
- UBND huyện, thành phố, thị xã;
- Ban Giám đốc SYT;
- Các phòng thuộc SYT;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Lưu: VT, NVY (Đạt-30b).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Hải**

Phụ lục: TỔNG HỢP BÁO CÁO HÀNG NGÀY TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGUY CƠ THEO QUYẾT ĐỊNH 2686

| I. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ |             |                         |             |         |                 |                 |             |         |                 |
|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------|---------|-----------------|-----------------|-------------|---------|-----------------|
| STT                                              | Huyện/TP/TX | Một ngày trước đánh giá |             |         |                 | Ngày đánh giá   |             |         |                 |
|                                                  |             | Nguy cơ rất cao         | Nguy cơ cao | Nguy cơ | Bình thường mới | Nguy cơ rất cao | Nguy cơ cao | Nguy cơ | Bình thường mới |
| 1                                                | Định Hóa    |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 2                                                | Đại Từ      |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 3                                                | Sông Công   |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 4                                                | Đồng Hỷ     |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 5                                                | Võ Nhai     |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 6                                                | Phú Bình    |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 7                                                | Phú Lương   |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 8                                                | Thái Nguyên |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 9                                                | Phổ Yên     |                         | x           |         |                 |                 | x           |         |                 |
|                                                  | Cộng        | 0                       | 1           | 0       | 8               | 0               | 1           | 0       | 8               |

| II. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN |                    |                         |             |         |                 |                 |             |         |                 |
|-----------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-------------|---------|-----------------|-----------------|-------------|---------|-----------------|
| STT                                           | Xã/phường/thị trấn | Một ngày trước đánh giá |             |         | Ngày đánh giá   |                 |             |         |                 |
|                                               |                    | Nguy cơ rất cao         | Nguy cơ cao | Nguy cơ | Bình thường mới | Nguy cơ rất cao | Nguy cơ cao | Nguy cơ | Bình thường mới |
| I                                             | HUYỆN ĐỊNH HÓA     |                         |             |         |                 |                 |             |         |                 |
| 1                                             | Quy Kỳ             |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 2                                             | Bình Thành         |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 3                                             | Bộc Nhiêu          |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |
| 4                                             | Bảo Cường          |                         |             |         | x               |                 |             |         | x               |

|           |                     |  |  |  |   |  |  |  |   |
|-----------|---------------------|--|--|--|---|--|--|--|---|
| 5         | Phượng Tiến         |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 6         | Điềm Mặc            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 7         | Tân Thịnh           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 8         | Kim Phượng          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 9         | TT Chợ Chu          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 10        | Bảo Linh            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 11        | Tân Dương           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 12        | Trung Hội           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 13        | Trung Lương         |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 14        | Bình Yên            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 15        | Sơn Phú             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 16        | Phú Đình            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 17        | Thanh Định          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 18        | Phúc Chu            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 19        | Linh Thông          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 20        | Định Biên           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 21        | Phú Tiến            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 22        | Lam Vỹ              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 23        | Đồng Thịnh          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| <b>II</b> | <b>HUYỆN ĐẠI TỪ</b> |  |  |  |   |  |  |  |   |
| 24        | An Khánh            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 25        | Bản Ngoại           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 26        | Bình Thuận          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 27        | Cát Nê              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 28        | Cù Vân              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 29        | Đức Lương           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 30        | Hà Thượng           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 31        | TT Hùng Sơn         |  |  |  | X |  |  |  | X |

|            |                      |  |  |  |   |  |  |  |   |
|------------|----------------------|--|--|--|---|--|--|--|---|
| 32         | Hoàng Nông           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 33         | Khôi Kỳ              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 34         | Ký Phú               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 35         | Lục Ba               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 36         | La bằng              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 37         | Minh Tiến            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 38         | Mỹ Yên               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 39         | Na Mao               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 40         | Phú Cường            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 41         | Phú Lạc              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 41         | Phú Thịnh            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 43         | Phú Xuyên            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 44         | Phúc Lương           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 45         | Phục Linh            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 46         | Quân Chu             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 47         | TT Quân Chu          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 48         | Tân Linh             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 49         | Tân Thái             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 50         | Tiên Hội             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 51         | Văn Yên              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 52         | Vạn Thọ              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 53         | Yên Lãng             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| <b>III</b> | <b>TP. SÔNG CÔNG</b> |  |  |  |   |  |  |  |   |
| 54         | Bình Sơn             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 55         | Tân Quang            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 56         | Bá Xuyên             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 57         | Châu Sơn             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 58         | Mỏ Chè               |  |  |  | X |  |  |  | X |

|           |                      |  |  |  |   |  |  |  |   |
|-----------|----------------------|--|--|--|---|--|--|--|---|
| 59        | Thắng Lợi            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 60        | Cải Đan              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 61        | Phố Cò               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 62        | Bách Quang           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 63        | Lương Sơn            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| <b>IV</b> | <b>HUYỆN ĐỒNG HỖ</b> |  |  |  |   |  |  |  |   |
| 64        | Văn Hán              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 65        | Khe Mo               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 66        | Nam Hòa              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 67        | Trại Cau             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 68        | Cây Thị              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 69        | Tân Lợi              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 70        | Hợp Tiến             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 71        | Hóa Thượng           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 72        | Hóa Trung            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 73        | Minh Lập             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 74        | Hòa Bình             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 75        | Sông Cầu             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 76        | Quang Sơn            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 77        | Tân Long             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 78        | Văn Lăng             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| <b>V</b>  | <b>HUYỆN VĨNH</b>    |  |  |  |   |  |  |  |   |
| 79        | T.T Đình Cả          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 80        | Phú Thượng           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 81        | Lâu Thượng           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 82        | La Hiên              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 83        | Cúc Đường            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 84        | Thượng Nung          |  |  |  | X |  |  |  | X |

|           |                       |  |  |  |   |  |  |  |   |
|-----------|-----------------------|--|--|--|---|--|--|--|---|
| 85        | Thần Sa               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 86        | Vũ Chấn               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 87        | Nghinh Tường          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 88        | Sảng Mộc              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 89        | Tràng Xá              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 90        | Dân Tiến              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 91        | Liên Minh             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 92        | Bình Long             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 93        | Phương Giao           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| <b>VI</b> | <b>HUYỆN PHÚ BÌNH</b> |  |  |  |   |  |  |  |   |
| 94        | Bàn Đạt               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 95        | Đào Xá                |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 96        | Tân Khánh             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 97        | Tân Kim               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 98        | Bảo Lý                |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 99        | Nhã Lộng              |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 100       | Hà Châu               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 101       | Úc Kỳ                 |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 102       | Thượng Đình           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 103       | Điền Thụy             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 104       | Nga My                |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 105       | Xuân Phương           |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 106       | TT Hương Sơn          |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 107       | Tân Thành             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 108       | Tân Hòa               |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 109       | Lương Phú             |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 110       | Thanh Ninh            |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 111       | Dương Thành           |  |  |  | X |  |  |  | X |

|             |                        |  |  |  |   |  |  |   |   |
|-------------|------------------------|--|--|--|---|--|--|---|---|
| 112         | Kha Sơn                |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 113         | Tân Đức                |  |  |  | x |  |  |   | x |
| <b>VII</b>  | <b>HUYỆN PHÚ LƯƠNG</b> |  |  |  |   |  |  |   |   |
| 114         | Xã Yên Ninh            |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 115         | Xã Yên Trạch           |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 116         | Xã Yên Đỗ              |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 117         | Xã Đông Đạt            |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 118         | Thị trấn Du            |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 119         | Xã Phấn Mễ             |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 120         | Thị trấn Giang Tiên    |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 121         | Xã Cổ Lũng             |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 122         | Xã Ôn Lương            |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 123         | Xã Hợp Thành           |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 124         | Xã Phủ Lý              |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 125         | Xã Phú Đô              |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 126         | Xã Túc Tranh           |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 127         | Xã Vô Tranh            |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 128         | Xã Yên Lạc             |  |  |  | x |  |  |   | x |
| <b>VIII</b> | <b>TP. THÁI NGUYÊN</b> |  |  |  |   |  |  |   |   |
| 129         | Phường Trưng Vương     |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 130         | Phường Phan Đình Phùng |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 131         | Phường Đồng Quang      |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 132         | Phường Quang Trung     |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 133         | Phường Hoàng Văn Thụ   |  |  |  | x |  |  | x |   |
| 134         | Phường Tân Lập         |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 135         | Phường Gia Sàng        |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 136         | Phường Túc Duyên       |  |  |  | x |  |  |   | x |
| 137         | Phường Chùa Hang       |  |  |  | x |  |  |   | x |

|           |                    |  |   |   |   |  |   |   |   |
|-----------|--------------------|--|---|---|---|--|---|---|---|
| 138       | Phường Đồng Bầm    |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 139       | Phường Cam Giá     |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 140       | Phường Trung Thành |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 141       | Phường Tân Thành   |  |   | x |   |  |   | x |   |
| 142       | Phường Hương Sơn   |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 143       | Phường Phú Xá      |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 144       | Phường Tích Lương  |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 145       | Phường Tân Thịnh   |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 146       | Phường Thịnh Đán   |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 147       | Phường Tân Long    |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 148       | Phường Quan Triều  |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 149       | Phường Quang Vinh  |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 150       | Xã Phúc Hà         |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 151       | Xã Cao Ngạn        |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 152       | Xã Quyết Thắng     |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 153       | Xã Tân Cương       |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 154       | Xã Phúc Trìu       |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 155       | Xã Phúc Xuân       |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 156       | Xã Thịnh Đức       |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 157       | Xã Sơn Cầm         |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 158       | Xã Huống Thượng    |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 159       | Xã Linh Sơn        |  |   |   | x |  |   |   | x |
| 160       | Xã Đồng Liên       |  |   |   | x |  |   |   | x |
| <b>IX</b> | <b>TX. PHỔ YÊN</b> |  |   |   |   |  |   |   |   |
| 161       | Ba Hàng            |  | x |   |   |  | x |   |   |
| 162       | Bắc Sơn            |  | x |   |   |  | x |   |   |
| 163       | Bãi Bông           |  | x |   |   |  | x |   |   |
| 164       | Đồng Tiến          |  | x |   |   |  | x |   |   |

|     |                  |          |           |           |            |          |           |           |            |
|-----|------------------|----------|-----------|-----------|------------|----------|-----------|-----------|------------|
| 165 | Thuận Thành      |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 166 | Trung Thành      |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 167 | Đông Cao         |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 168 | Tân Phú          |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 169 | Tiên Phong       |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 170 | Hồng Tiến        |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 171 | Đắc Sơn          |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 172 | Vạn Phái         |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 173 | Thành Công       |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 174 | Minh Đức         |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 175 | Phúc Thuận       |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 176 | Phúc Tân         |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 177 | Nam Tiến         |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
| 178 | Tân Hương        |          | x         |           |            |          | x         |           |            |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>0</b> | <b>18</b> | <b>01</b> | <b>159</b> | <b>0</b> | <b>18</b> | <b>02</b> | <b>158</b> |

***Tổng hợp đánh giá nguy cơ trong ngày 03/10/2021:***

- 09 huyện có: 01 huyện ở mức nguy cơ cao. 08 huyện ở mức bình thường mới.
- 178 xã, phường có: 18 xã, phường ở mức nguy cơ cao; 02 xã ở mức nguy cơ; 158 xã, phường ở mức bình thường mới.

